

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401003] - Bóng đá 2 (CCQ2217G,CCQ2217H)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2122170265	Nguyễn Viết	Bảo	05/05/2004	Nam	CCQ2217G	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
2	2122170279	Phan Võ	Bảo	21/10/2004	Nam	CCQ2217G	5,8	V	9,0		7,70		Khá	
3	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	Nam	CCQ2206A	10,0	V	9,0		9,40		Giỏi	
4	2122170315	Lương Văn	Bình	24/11/2004	Nam	CCQ2217H	7,8	V	5,0		6,10		Trung bình	
5	2122120229	Nguyễn Minh	Chiến	02/02/2003	Nam	CCQ2212G	8,8	V	9,0		8,90		Giỏi	
6	2121030129	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng	15/01/2003	Nam	CCQ2103D	9,3	V	8,0		8,50		Giỏi	
7	2122170281	Phan Trần Thái	Đạt	20/04/2002	Nam	CCQ2217G	6,8	V	5,0		5,70		Trung bình	
8	2122170254	Trịnh Tiến	Đạt	23/07/2003	Nam	CCQ2217G	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
9	2122170248	Lâm Quang	Điền	20/12/2004	Nam	CCQ2217G	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
10	2122110050	Nguyễn Hoàng	Duy	17/01/2004	Nam	CCQ2211B	9,3	V	6,0		7,30		Khá	
11	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	Nam	CCQ2218B	9,3	V	6,0		7,30		Khá	
12	2121030157	Châu Văn	Hải	16/10/2002	Nam	CCQ2103D	6,5	V	5,0		5,60		Trung bình	
13	2122170288	Tổng Trường	Hải	13/09/2004	Nam	CCQ2217H	6,3	V	9,0		7,90		Khá	
14	2121030128	Trần Quang	Hải	07/10/2003	Nam	CCQ2103D	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
15	2122170260	Ngô Thanh	Hậu	16/07/2004	Nam	CCQ2217G	6,5	V	5,0		5,60		Trung bình	
16	2122170314	Y Kuen	Hmok	27/06/2001	Nam	CCQ2217H	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
17	2122030145	Lê Đức	Hoàng	05/07/2004	Nam	CCQ2203E	9,0	V	8,0		8,40		Khá	
18	2121030166	Lê Sỹ	Hoàng	22/05/2001	Nam	CCQ2103D	7,0	V	0,0	V	2,80		Kém	Học lại
19	2122030170	Nguyễn Trương	Hoàng	17/11/2004	Nam	CCQ2203E	10,0	V	8,0		8,80		Giỏi	
20	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	11/02/2000	Nam	CCQ2206A	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
21	2122170258	Nguyễn Thành	Hung	03/08/2003	Nam	CCQ2217G	7,0	V	8,0		7,60		Khá	
22	2120240041	Trần Thị Thúy	Huyền	02/01/2002	Nữ	CCQ2024B	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
23	2122030088	Phạm Quang	Khải	13/04/2004	Nam	CCQ2203C	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
24	2122060021	Nguyễn Minh	Khoa	28/05/2004	Nam	CCQ2206A	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
25	2122170251	Lê Ngô Minh	Khôi	21/09/2004	Nam	CCQ2217G	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
26	2122200244	Nguyễn Hữu	Lễ	14/10/2002	Nam	CCQ2220G	10,0	V	9,0		9,40		Giỏi	
27	2122100335	Chu Thị Thuý	Linh	25/08/2004	Nữ	CCQ2210G	8,8	V	6,0		7,10		Khá	
28	2122170245	Huỳnh Tuấn	Linh	02/01/2004	Nam	CCQ2217G	8,3	V	4,0		5,70		Trung bình	
29	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	Nam	CCQ2206A	9,0	V	6,0		7,20		Khá	
30	2122030244	Nguyễn Hữu	Lợi	30/09/2004	Nam	CCQ2203E	9,5	V	4,0		6,20		Trung bình	
31	2122030126	Nguyễn Thành	Lợi	26/09/2003	Nam	CCQ2203D	6,8	V	4,0		5,10		Trung bình yếu	
32	2122170321	Dương Minh	Lương	12/10/2003	Nam	CCQ2217H	8,3	V	8,0		8,10		Khá	

33	2122170311	Trần Văn	Lưu	16/02/2004	Nam	CCQ2217H	7,8	V	5,0		6,10		Trung bình	
34	2122140022	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/11/2003	Nam	CCQ2214A	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
35	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	Nam	CCQ2218A	9,3	V	8,0		8,50		Giỏi	
36	2122120235	Nguyễn Phạm Thiê	Phước	28/01/2003	Nam	CCQ2212G	9,0	V	6,0		7,20		Khá	
37	2122110031	Đào Văn	Phương	01/05/1996	Nam	CCQ2211A	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
38	2122110006	Nguyễn Anh	Quân	06/12/2003	Nam	CCQ2211A	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
39	2122170276	Nguyễn Đăng	Quang	26/09/1998	Nam	CCQ2217G	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	
40	2122170297	Lê Xuân	Quốc	04/06/2004	Nam	CCQ2217H	6,5	V	4,0		5,00		Trung bình yếu	
41	2121030148	Nguyễn Vương	Sĩ	06/03/2003	Nam	CCQ2103D	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
42	2122100367	Trần Ngọc	Son	13/03/2004	Nam	CCQ2210J	8,0	V	4,0		5,60		Trung bình	
43	2122060027	Lê Minh	Tánh	24/07/2004	Nam	CCQ2206A	10,0	V	8,0		8,80		Giỏi	
44	2122170246	Hứa Minh	Thái	30/01/2003	Nam	CCQ2217G	7,3	V	10,0		8,90		Giỏi	
45	2122100383	Đỗ Thị Hồng	Thắm	11/03/2004	Nữ	CCQ2210G	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
46	2122170306	Nguyễn Công	Thành	30/10/2004	Nam	CCQ2217H	4,8	V	7,0		6,10		Trung bình	
47	2122030253	Nguyễn Nhựt	Thành	26/04/2004	Nam	CCQ2203H	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
48	2122030133	Lê Nhật	Thiên	25/12/2004	Nam	CCQ2203H	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
49	2121170272	Nguyễn Thanh	Thịnh	11/10/2003	Nam	CCQ2126D	8,0	V	4,0		5,60		Trung bình	
50	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	Nữ	CCQ2210G	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
51	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm	Thy	08/12/2004	Nữ	CCQ2210G	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
52	2122170322	Lê Thành	Tiến	23/01/2004	Nam	CCQ2217H	6,8	V	4,0		5,10		Trung bình yếu	
53	2122170302	Võ Đình	Tiến	24/02/2003	Nam	CCQ2217H	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
54	2122170301	Trần Công	Tín	25/02/2004	Nam	CCQ2217H	6,3	V	6,0		6,10		Trung bình	
55	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	Nữ	CCQ2210G	8,3	V	6,0		6,90		Trung bình	
56	2121210036	Phạm Trần Chân	Trân	03/08/2003	Nữ	CCQ2121B	8,8	V	9,0		8,90		Giỏi	
57	2122100334	Lê Thị Thùy	Trang	12/07/2004	Nữ	CCQ2210G	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
58	2122170273	Nguyễn Thành	Trí	05/06/2003	Nam	CCQ2217G	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
59	2122270019	Trần Minh	Trí	19/02/2004	Nam	CCQ2227A	8,8	V	4,0		5,90		Trung bình	
60	2122120386	Võ Thị Tú	Trinh	13/01/2004	Nữ	CCQ2212L	8,5	V	9,0		8,80		Giỏi	
61	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	Nam	CCQ2105B	8,3	V	10,0		9,30		Giỏi	
62	2122060034	Trần Minh	Trung	05/06/2002	Nam	CCQ2206A	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
63	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	02/11/2004	Nam	CCQ2206B	5,8	V	6,0		5,90		Trung bình	
64	2122030010	Nguyễn Xuân	Trường	28/11/2004	Nam	CCQ2203G	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
65	2122170267	Phan Văn	Tú	23/03/2004	Nam	CCQ2217G	6,8	V	9,0		8,10		Khá	
66	2122170285	Nguyễn Tấn	Tường	25/02/2004	Nam	CCQ2217H	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
67	2122170290	Lê Quang	Vinh	21/12/2004	Nam	CCQ2217H	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
68	2122170287	Nguyễn Ngọc	Vinh	28/05/2004	Nam	CCQ2217H	6,5	V	8,0		7,40		Khá	
69	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn	Vũ	17/11/2003	Nam	CCQ2206A	10,0	V	4,0		6,40		Trung bình	
70	2122100230	Nguyễn Thị Tường	Vy	30/01/2004	Nữ	CCQ2210G	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân